

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI
THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

(Số: 01/BCTN-2020)

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 04 năm 2021



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần thương mại & khai thác khoáng sản Dương Hiếu

Năm báo cáo: 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Thương Mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600341471
- Vốn điều lệ: 313.961.800.000VNĐ (Ba trăm mười ba tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 313.961.800.000VNĐ (Ba trăm mười ba tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng)
- Địa chỉ: Số nhà 1309 ngõ 1581 đường 3/2, tổ 09, Phường Trung Thành, Tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Số điện thoại: 02083-832410
- Số fax/Fax: 02083-835942
- Website: <http://www.duonghieus.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có): DHM

** Quá trình hình thành và phát triển:*

+ Công ty cổ phần thương mại & khai thác khoáng sản Dương Hiếu tiền thân là công ty TNHH thương mại Dương Hiếu được thành lập ngày 30/6/2003, thay đổi lần thứ 29 ngày 25 tháng 09 năm 2020.

+ Hiện tại, công ty có 04 chi nhánh tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Nam.

- Các sự kiện khác: Ngày 14/07/2012 Công ty đã niêm yết thành công 16.000.000 cổ phiếu tại sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DHM;

+ Các đợt tăng vốn của Công ty:

STT	Thời điểm	Giá trị phát hành (Đồng)	Vốn điều lệ (Đồng)	Hình thức phát hành
1	10/2013	74.983.700.000	234.983.700.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
2	10/2016	16.447.530.000	251.431.230.000	Trả cổ tức 7% bằng cổ phiếu

STT	Thời điểm	Giá trị phát hành (Đồng)	Vốn điều lệ (Đồng)	Hình thức phát hành
3	03/2018	62.530.570.000	313.961.800.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

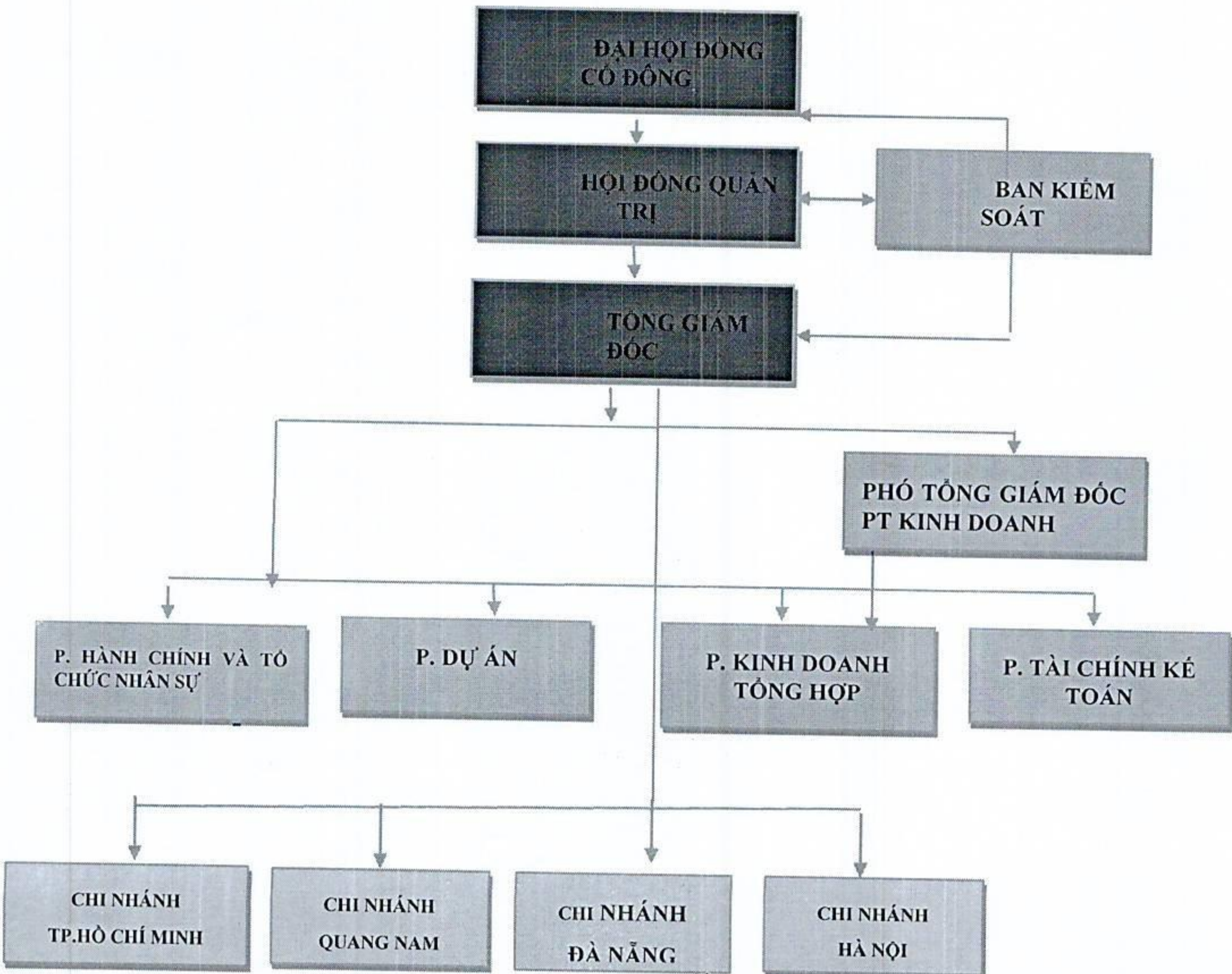
a. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Kinh doanh vật liệu chịu lửa.
- Mua bán sắt thép.
- Mua bán thiết bị điện.
- Mua bán quặng sắt.
- Mua bán đá ốp lát, thiết bị vệ sinh cao cấp.

b. Địa bàn kinh doanh: Thị trường kinh doanh chính của công ty tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng và các thành phố lớn trên toàn quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị/ Governance model



-Cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty...

Hội đồng quản trị: Hội đồng Quản trị do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có nghĩa vụ quản trị Công ty giữa hai kỳ đại hội. Số lượng thành viên HĐQT mỗi nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. Nhiệm kỳ hoạt động của HĐQT là 05 năm.

Hiện tại, HĐQT của Công ty có 03 thành viên, nhiệm kỳ là 05 (năm) năm:

- Ông Văn Tiến Đức: Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT ngày 02/7/2020)
- Ông Dương Hữu Hiếu: Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT, là thành viên HĐQT ngày 29/06/2020)
- Ông Trần Thanh Tùng: Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 29/6/2020)
- Ông Nguyễn Việt Hải: Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 29/6/2020)
- Ông Nguyễn Thành Vương: Thành viên HĐQT (ĐHĐCĐ thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 29/6/2020)
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng: Thành viên HĐQT (Đại hội đồng cổ đông bầu ngày 29/6/2020)

Ban giám đốc: Ban Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo chiến lược, kế hoạch đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Hiện tại, Ban Giám đốc của Công ty gồm các thành viên:

- Ông Dương Hữu Hiếu: Tổng Giám Đốc
- Ông Trần Thanh Tùng: Phó Tổng Giám Đốc
- Bà Mai Thị Phương Hà: Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/01/2020)

Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

Hiện tại, Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 (năm) năm, cụ thể:

- Ông Dương Xuân Trường : Trưởng ban
- Bà Trương Thị Tuyết : Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Oanh : Thành viên

Kế toán trưởng: Kế toán trưởng của Công ty do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hoạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty và thực hiện các công việc theo ủy quyền của Giám đốc Công ty.

Hiện tại kế toán trưởng công ty là ông : Đàm Ngọc Tú (bổ nhiệm ngày 08/10/2020).

Miễn nhiệm bà Đặng Thiều Hoa- KTT ngày 08/10/2020.

Các phòng ban nghiệp vụ:

Phòng Hành chính và tổ chức nhân sự: Có chức năng quản lý tổng vụ và quản lý nhân sự, tiền lương, BHXH, các chính sách cho người lao động về an toàn lao động, bảo hiểm lao động, các chính sách đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng kỷ luật, thực hiện công tác tổ chức hành chính, văn phòng.

Phòng Tài chính - Kế toán: Có chức năng quản lý tài chính của Công ty, thực hiện các nghiệp vụ kế toán theo đúng chế độ hạch toán kế toán hiện hành của bộ tài chính quy định.

Phòng Kinh doanh tổng hợp: Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, chiến lược, phương hướng hoạt động tiếp thị và kinh doanh sản phẩm, thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác.

Phòng Dự án: Xây dựng và triển khai các dự án theo kế hoạch của công ty.

*** Các công ty liên kết:**

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực KD chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
Công ty cổ phần khai khoáng luyện kim Bắc Việt	Số 59 Võ Chí Công, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm);	300.000.000.000	45%	Ngày 28/12/2020 không còn là công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ thương mại và đầu tư Hưng Phát	Số 052, phố Ngọc Uyển, p. Phố Mới, tp Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Kinh doanh thương mại về tư liệu sản xuất công nghiệp, cơ điện, xây dựng, thủy điện, thủy lợi	120.000.000.000	31.67%	Ngày 28/12/2020 không còn là công ty liên kết

*** Các công ty con: Không có**

4. Định hướng phát triển

a.Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Tập trung phát triển hệ thống phân phối và thương mại các sản phẩm về thép, thiết bị điện, đá, qua đó tích lũy và phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác.

- Tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới đối với các sản phẩm về thép, các sản phẩm từ kim loại, khoáng sản để mở rộng mạng lưới phân phối các sản phẩm thương mại của Công ty.

- Nghiên cứu liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước để tìm kiếm các dự án thương mại sản

phẩm khác trên cơ sở phát huy hệ thống phân phối và mạng lưới khách hàng hiện có của Công ty.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Đảm bảo tính hiệu quả phân phối, duy trì các khách hàng truyền thống của công ty.
- Thúc đẩy, tìm kiếm các khách hàng mới thông qua việc xây dựng các kênh Marketing nâng cao hình ảnh, thương hiệu của Công ty.
- Tái khởi động hoạt động kinh doanh vật liệu chịu lửa phôi: tiếp tục tìm kiếm và đàm phán với các đối tác phù hợp để thực hiện hoạt động hợp tác kinh doanh cung cấp các sản phẩm vật liệu chịu lửa vào các nhà máy sản xuất thép.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, củng cố mạng lưới khách hàng, mở rộng thị trường và sàng lọc khách hàng.

c. *Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:* Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, cung cấp thiết bị tự động hóa và chăn nuôi thủy sản. Công ty Dương Hiếu luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững bằng các biện pháp thiết thực, cung cấp các mặt hàng đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

- Đào tạo chuyên nghiệp hóa đội ngũ công nhân viên của Công ty.
- Tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội vì cộng đồng.
- Ưu tiên sử dụng lao động tại chỗ, tạo công ăn việc làm cho các địa phương.

5. Các rủi ro

a. Rủi ro về kinh tế: Năm 2020 đánh dấu một năm khó khăn đối với toàn bộ nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng do sự bùng nổ của dịch bệnh Covid – 19 lây lan trên phạm vi toàn cầu. Với sự điều hành và chỉ đạo kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp các ngành địa phương cùng với tinh thần chấp hành nghiêm chỉnh của toàn dân trong việc phòng chống dịch đã giúp hạn chế những ảnh hưởng của dịch bệnh tới các hoạt động kinh tế của nước ta. Năm 2020, Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng GDP (Tổng sản phẩm trong nước) 2,91% so với cùng kỳ, đây là mức tăng trưởng tích cực trong bối cảnh nhiều quốc gia suy thoái kinh tế bởi ảnh hưởng của dịch bệnh.

Năm 2021, kinh tế Việt Nam vẫn còn phải đương đầu với những khó khăn, thách thức do nền kinh tế thế giới chưa ổn định, tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp, Vacxin phòng Covid – 19 còn chưa phát huy được hiệu quả, thâm hụt ngân sách ở các nước phát triển.... Trong nước, kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định. Hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp rất nhiều khó khăn do thiếu vốn, sức mua trong nước giảm..., nhiều ngành, lĩnh vực gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. Với những diễn biến về kinh tế thế giới và trong nước thời gian qua và triển vọng sắp tới, có thể thấy áp lực rất lớn để Việt Nam đạt được những mục tiêu kinh tế vĩ mô đã đề ra trong năm nay...

b. Rủi ro về thiên tai, dịch bệnh: Cuối năm 2020, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tại các tỉnh miền Trung đã xảy ra thiên tai lũ lụt lịch sử đã gây thiệt hại lớn đến hoạt động nuôi trồng thủy sản của công ty tại Chi nhánh Quảng Nam.

c. *Rủi ro về tỷ giá:* Trong năm 2020, tỷ giá không có nhiều biến động do đó không có nhiều ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

d. *Rủi ro về sự thay đổi các chính sách và các văn bản pháp luật:* Các công ty trong ngành chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước cũng như các bộ luật nước ngoài quy định về thuế đối với ngành thép, về nguyên liệu đầu vào và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Là doanh nghiệp đại chúng, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật bao gồm luật Doanh nghiệp năm 2020, luật Chứng khoán năm 2019 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn chi tiết luật. Dựa trên tình hình sản xuất, các văn bản Pháp luật sẽ liên tục được điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn. Điều đó sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

e. *Rủi ro đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Công ty:*

Ngành thép Việt Nam đang phải đối mặt với tình hình cạnh tranh lớn, không chỉ trong nội bộ ngành mà còn cả áp lực từ nguồn nhập khẩu nước ngoài, đặc biệt là nguồn thép được nhập khẩu tiểu ngạch từ Trung Quốc. Tình hình cạnh tranh lớn trong ngành sẽ gây khó khăn đến hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty do việc gia tăng các chi phí, hoạt động hậu mãi, các chính sách giá cả để thu hút khách hàng,... Những chi phí này có thể làm giảm biên lợi nhuận và ảnh hưởng không tốt đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Tháng 12 năm 2019, thế giới bắt đầu ghi nhận đại dịch Covid-19. Kinh tế thế giới năm 2020 trải qua cuộc khủng hoảng sau khi dịch bệnh Covid-19 lan rộng ra khắp thế giới. Theo báo cáo của các tổ chức quốc tế, kinh tế thế giới đã có 1 năm sụt giảm từ 4-4,5%, trong đó thương mại toàn cầu có mức suy giảm từ 9,2-10%.

Vào tháng 1 năm 2020, Việt Nam ghi nhận những trường hợp đầu tiên mắc Covid-19. Sau đó, cả nước thực hiện giãn cách toàn xã hội từ 01/04/2020. Ngay từ khi đại dịch bắt đầu, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Các đơn hàng nhập khẩu hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty kéo dài hơn so với trước đây từ 30-60 ngày. Do thực hiện giãn cách xã hội, tiến độ thực hiện các hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng của công ty bị ảnh hưởng. Suy giảm đầu tư và mua sắm của các doanh nghiệp và người dân ảnh hưởng sâu sắc đến thị trường vật liệu xây dựng.

Nhận thấy hoạt động của các công ty liên kết gặp nhiều khó khăn, để bảo toàn tối đa vốn đã đầu tư, Công ty thực hiện thoái vốn tại:

+ *Công ty cổ phần khai khoáng luyện kim Bắc Việt: Do hoạt động khai thác chế biến khoáng sản của công ty này không có tiến triển tích cực.*

+ *Công ty cổ phần công nghệ thương mại và đầu tư Hưng Phát: Doanh thu và lợi nhuận của Công ty Hưng Phát bị ảnh hưởng tiêu cực do thay đổi trong chính sách phát triển thủy điện của Nhà nước.*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Mức độ hoàn thành kế hoạch
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.618,413	908,187	56,12%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	54,617	(79,395)	-145,37%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	43,694	(79,395)	-181,71%
Thu nhập/cổ phiếu (đồng)	1.392	(2.529)	-181,68%

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	So sánh
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.112,419	908,187	81,64%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	7,077	(79,395)	-1.121,87%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	4,674	(79,395)	-1.691,41%
Thu nhập/cổ phiếu (đồng)	134	(2.529)	-1.887,31%

Năm 2020 là năm mà nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, hoạt động thương mại toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng suy giảm mạnh. Dưới sự điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Dương Hiếu đã đạt được nhiều thành quả nhất định, mặc dù chưa hoàn thành kế hoạch năm 2020. Doanh thu năm 2020 giảm 18,36% so với năm 2019, đạt 908,187 tỷ đồng; đạt 56,12% so với kế hoạch đã đặt ra.

Năm 2020, Công ty lỗ 79,395 tỷ do 02 nguyên nhân chính:

+ Thứ nhất: Lỗ do hoạt động đầu tư tài chính (Thoái vốn tại 02 công ty liên kết do kinh doanh không hiệu quả; và hoạt động đầu tư mua cổ phiếu của Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên – mã chứng khoán TIS, Công ty cổ phần thép Việt Ý – mã chứng khoán VIS).

+ Thứ hai: Thiệt hại tại trang trại nuôi trồng thủy sản của Chi nhánh Quảng Nam trong đợt lũ lụt lịch sử xảy ra cuối năm 2020.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành:

TT	Danh sách ban điều hành	Chức vụ	CMTND ngày cấp, nơi cấp	Chỗ ở hiện tại	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết
1	Ông Dương Hữu Hiếu	Tổng giám đốc	013314148. Công an Hà Nội cấp ngày 14/6/2012	SN 7, tầng 3 nhà G03, KĐT Nam Thăng Long, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	7.634.393

TT	Danh sách ban điều hành	Chức vụ	CMTND ngày cấp, nơi cấp	Chỗ ở hiện tại	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết
2	Ông Trần Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc	090726505. Công an Thái Nguyên cấp ngày 06/5/2016	Ngõ 321 Đ. Dương Tự Minh, P. Tân Long, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	532.860
3	Bà Mai Thị Phương Hà	Phó Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 14/01/2020	066184000009. Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 24/6/2015	Chung cư Sông Nhuệ Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	21
4	Bà Đặng Thiều Hoa	Kế toán trưởng Miễn nhiệm ngày 08/10/2020	013134069 CA Hà Nội cấp ngày 25/7/2013	Số 11, ngõ 251, Vũ Hữu, Thanh Xuân, Hà Nội	0
5	Ông Đàm Ngọc Tú	Kế toán trưởng Bổ nhiệm ngày 08/10/2020	090912735 CA Thái Nguyên cấp ngày 15/12/2019	Xóm Đông Sinh, xã Hồng Tiến, TX Phồ Yên, T. Thái Nguyên	0

Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban điều hành:

❖ **Tổng Giám đốc – Dương Hữu Hiếu**

- Họ và tên: Dương Hữu Hiếu
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/01/1968
- Nơi sinh: Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Căn hộ 7, tầng 3, G03 Nam Thăng Long, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 013314148
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP TM & KTKS Dương Hiếu: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần khoáng sản Việt Thái Sơn.
- Quá trình Công tác:

Năm	Công ty/Tổ chức Công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ 2003-2011	Công ty TNHH TM Dương Hiếu	Giám đốc
Từ 2012- T6/2020	Công ty CPTM& khai thác khoáng sản Dương Hiếu	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc
Từ T6/2020 đến nay	Công ty CPMT & khai thác khoáng sản Dương Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc
10/08/2011 đến nay	Công ty cổ phần khoáng sản Việt Thái Sơn	Chủ tịch hội đồng quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân:
 - o Sở hữu cá nhân: 7.634.393 cổ phần
 - o Sở hữu đại diện: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Tạm ứng 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng chẵn)
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

❖ **Phó Tổng Giám đốc – Ông Trần Thanh Tùng**

- Họ và tên: Trần Thanh Tùng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/05/1981
- Nơi sinh: Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Ngõ 321 Đường Dương Tự Minh, tổ 8, phường Tân Long, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Chứng minh thư nhân dân số: 090726505 ngày cấp 06/5/2016 nơi cấp CA Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP TM & KTKS Dương Hiếu: Phó Tổng Giám đốc công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng.
- Quá trình công tác:

Năm	Đơn vị Công tác	Chức vụ
Từ 2004- 2005	Công ty cổ phần cơ khí và xây lắp số 7	Đội trưởng đội xây lắp điện

Năm	Đơn vị Công tác	Chức vụ
Từ 2005 – 2006	Công ty TNHHH tư vấn thiết bị và xây dựng CMC	Đội trưởng đội xây lắp điện
Từ 2007 - nay	Công ty CPTM & khai thác khoáng sản Dương Hiếu	Phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân:
 - o Sở hữu cá nhân: 532.860 cổ phần
 - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

❖ **Kế toán trưởng – Ông Đàm Ngọc Tú**

- Họ và tên: Đàm Ngọc Tú
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 29/10/1986
- Nơi sinh: Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: xóm Đông Sinh, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên
- Chứng minh thư nhân dân số: 090912735 ngày cấp 15/12/2019 nơi cấp CA Thái nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại CPTM TM & KTKS Dương Hiếu: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình Công tác:

Năm	Đơn vị Công tác	Chức vụ
2009-2012	Công ty bảo hiểm MIC Thái Nguyên	Nhân viên kế toán
2012-2014	Công ty cổ phần Phú Sơn	Nhân viên kế toán
2014-2019	Chi nhánh Công ty CP khai khoáng luyện kim Bắc Việt	Phó phòng Kế toán
01/2020-09/2020	Công ty CPTM & khai thác khoáng sản Dương Hiếu – Chi nhánh Hồ Chí Minh	Trưởng phòng Kế toán

Năm	Đơn vị Công tác	Chức vụ
10/2020 – nay	Công ty CPTM & khai thác khoáng sản Dương Hiếu	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân:
 - o Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - o Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định của Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

b. Những thay đổi trong ban điều hành:

Ngày 14/01/2020 miễn nhiệm bà Mai Thị Phương Hà, chức vụ: Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính công ty.

Ngày 08/10/2020 miễn nhiệm bà Đặng Thiều Hoa, chức vụ: Kế toán trưởng.

Ngày 08/10/2020 bổ nhiệm ông Đàm Ngọc Tú, chức vụ: Kế toán Trưởng

c. Số lượng cán bộ, nhân viên.

+ Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên làm việc hiệu quả, chuyên nghiệp và năng động. Tại thời điểm ngày 31/12/2020 số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 45 người, gồm: 01 thạc sỹ, 24 Đại học, 8 cao đẳng, 4 trung cấp và 8 lao động phổ thông.

+ Xác định rõ lao động là nguồn lực quý giá nên Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế về lương thưởng và các chế độ đãi ngộ cho người lao động, tôn trọng quá trình trao đổi thương lượng thực hiện, quy chế dân chủ tại nơi làm việc tạo môi trường, văn hóa của doanh nghiệp hướng tới người lao động.

Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày/ca. Khối văn phòng làm việc theo giờ hành chính. Trường hợp có yêu cầu đột xuất về nhân sự phục vụ thời điểm kinh doanh mùa vụ cao điểm có thể huy động làm thêm giờ và Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định tại Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể đã ban hành. Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm, thai sản được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động.

- Điều kiện làm việc: Người lao động được làm việc trong một môi trường ổn định, chuyên nghiệp, chế độ đãi ngộ xứng đáng với năng lực chuyên môn và hiệu quả công việc; mức lương, thưởng cạnh tranh. Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát.

Chính sách tuyển dụng

- Việc cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy sao cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được ban lãnh đạo quan tâm thực hiện. Công tác bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý được tiến hành công khai, thận trọng và đúng quy trình; cán bộ quản lý đương nhiệm và được bổ nhiệm mới trong năm đều có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao, biết đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân.

- Công tác tuyển dụng mới lao động cũng được thực hiện công khai và có tiêu chí tuyển dụng rõ ràng. Việc tuyển dụng dựa trên tình hình thực tế nhu cầu sử dụng lao động của Công ty để xác định số lượng tuyển dụng cho phù hợp, tận dụng tối đa nguồn nhân lực trong hoạt động kinh doanh.

Chính sách đào tạo

- Công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho các cán bộ, nhân viên luôn được Công ty quan tâm thực hiện. Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: đào tạo tại chỗ, tổ chức các seminar huấn luyện ...

- Công ty thường xuyên phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức huấn luyện, đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ cho cán bộ công nhân viên.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Chính sách lương: Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào vị trí Công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và hiệu quả kinh doanh trong tháng của Công ty. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ Công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành Công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả Công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí và tiết kiệm cho Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty thực hiện trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của Luật lao động, Nội quy lao động đã đề ra. Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, phối hợp cùng với tổ chức Công đoàn của Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách phúc lợi như ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ,... tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho Cán bộ Công nhân viên.

- Thu nhập bình quân của CBNV Công ty như sau:

Năm 2019: 7.800.000 đồng/người/tháng.

Năm 2020: 8.000.000 đồng/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm, tình hình thực hiện các dự án lớn.

Trong năm 2020, thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện 02 khoản đầu tư tài chính mua cổ phiếu của Công ty cổ phần Gang thép Thái nguyên (mã chứng khoán TIS) và Công ty cổ phần thép Việt Ý (mã chứng khoán VIS) có giá trị 164,946 tỷ đồng. Cụ thể:

- Mua 2.000.000 cổ phiếu VIS, trị giá: 38 tỷ;
- Mua 9.020.000 cổ phiếu TIS, trị giá: 126,946 tỷ;

b. Các công ty con, công ty liên kết: Trong năm 2020 công ty đã thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần khai khoáng luyện kim Bắc Việt và Công ty cổ phần công nghệ thương mại và đầu tư Hưng Phát. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết được nêu tại mục 3, phần I.

c. Thực hiện dự án nhà hàng Thuần Việt: Như đã báo cáo do không có chuyên môn sâu trong lĩnh vực nhà hàng tiệc cưới nên công ty đã dừng thực hiện dự án. Vì vậy, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 HĐQT đã trình phương án chuyển nhượng toàn bộ, hoặc chuyển nhượng một phần, hoặc cho thuê. Tuy nhiên, Tại Đà Nẵng năm 2020 chịu ảnh hưởng lớn của dịch Covid nên phương án nêu ở trên đều không thực hiện được. Vì vậy, trong năm 2021 Hội đồng quản trị vẫn tiếp tục tìm đối tác để chuyển nhượng toàn bộ, hoặc chuyển nhượng một phần, hoặc cho thuê.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài hình:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu/ Financial Figure	Năm/Year 2019	Năm/Year 2020	Tỷ lệ tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	569.287.389.847	518.543.424.900	-8,91%
2	Doanh thu thuần	1.112.418.741.747	908.187.048.175	-18,36%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Profit from operating activities	11.056.619.098	(62.335.813.898)	-663,79%
4	Lợi nhuận khác	(3.980.073.550)	(17.059.108.239)	-328,61%
5	Lợi nhuận trước thuế	7.076.545.548	(79.394.922.137)	-1.221,94%
6	Lợi nhuận sau thuế	4.674.080.100	(79.394.922.137)	-1.798,62%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year 2019	Năm/Year 2020	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2019	Năm/Year 2020	Ghi chú/Note
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	1,3	1,0	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i> <i>Short term Asset - Inventories Short term Debt</i>	0,72	0,50	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	42,08%	46,42%	
+Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	72,65%	86,63%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	10,46	7,30	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,95	1,75	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,42%	-8,74%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,31%	-28,57%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,82%	-15,31%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,99%	-6,86%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 31.396.180 cổ phần.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 31.396.180 Cổ phần.

Số lượng cổ phần hạn chế: 0 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông từ 5% trở lên nắm giữ: 7.634.393 cổ phần 24.32 % vốn điều lệ.
- Cổ đông nắm giữ từ 1% - dưới 5%: 20.432.340 cổ phần chiếm 65.08 % vốn điều lệ.
- Cổ đông nắm giữ dưới 1%: 3.329.447 cổ phần chiếm 10.60 % vốn điều lệ.

- Cổ đông tổ chức nắm giữ: 4.397693 cổ phần chiếm 14.01% vốn điều lệ.
 - Cổ đông cá nhân nắm giữ: 26.998.487 cổ phần chiếm 85.99% vốn điều lệ.
 - Cổ đông trong nước nắm giữ: 31.131.891 cổ phần chiếm 99.16% vốn điều lệ.
 - Cổ đông nước ngoài nắm giữ: 264.289 cổ phần chiếm 0.84% vốn điều lệ.
 - Cổ đông nhà nước nắm giữ: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Cổ đông khác nắm giữ: 31.396.180 cổ phần chiếm 100% vốn điều lệ.
- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2020 công ty không có đợt tăng vốn nào làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch:
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.
- e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch:

Trong năm 2020, do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 các lĩnh vực kinh doanh trọng tâm của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Kinh doanh vật liệu xây dựng (bao gồm ngành hàng sắt thép, đá ốp lát,...) hoàn thành 53.9% kế hoạch 2020 do sự sụt giảm của thị trường.

Năm 2020 là năm đầu tiên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty bị lỗ, số lỗ là 79.395 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 bị lỗ do 03 nguyên nhân chủ yếu:

- Lý do thứ nhất, đa phần số lỗ trên do hoạt động thoái vốn của Công ty tại 02 công ty liên kết (Công ty cổ phần khai khoáng luyện kim Bắc Việt và Công ty cổ phần công nghệ thương mại và đầu tư Hưng Phát).

- Lý do thứ hai, trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty cổ phần gang thép Thái nguyên (mã chứng khoán TIS-Upcom) và Công ty cổ phần thép Việt Ý (mã chứng khoán VIS – HOSE).

- Lý do thứ 3, do ảnh hưởng của đợt lũ lụt lịch sử xảy ra tại các tỉnh miền Trung, nơi công ty có hoạt động nuôi trồng thủy hải sản, gây thiệt hại toàn bộ đối với các hồ nuôi trồng thủy sản của Công ty.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KẾ HOẠCH 2020		THỰC HIỆN 2020		GHI CHÚ
			Số lượng	Thành tiền (tỷ đồng)	Số lượng	Thành tiền (tỷ đồng)	
A	DOANH THU						
1	Vật liệu xây dựng (sắt, thép,..)	tấn	110,217	1,377.713	68.958	707.845	
2	Thiết bị điện, tự động hóa			80		74.89	
3	Đá ốp lát			150		115.63	
4	Các mặt hàng khác			10.7		9.82	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KẾ HOẠCH 2020		THỰC HIỆN 2020		GHI CHÚ
			Số lượng	Thành tiền (tỷ đồng)	Số lượng	Thành tiền (tỷ đồng)	
	TỔNG CỘNG			1,618.413		908.187	
B	LỢI NHUẬN SAU THUẾ TNDN			43.964		(79.395)	

*Những tiền bộ công ty đã đạt được: Ngoại trừ ngành hàng kinh doanh sắt, thép xây dựng đạt 51,38% kế hoạch, với sự sát sao, linh hoạt, điều hành chỉ đạo kịp thời của Ban giám đốc, các ngành hàng khác của Công ty đều đạt hơn 90% kế hoạch năm 2020. Do có sự chủ động trong công tác phòng chống thiên tai, trong đợt lũ lụt xảy ra tại trang trại nuôi trồng thủy sản của Chi nhánh Quảng không có thiệt hại về người.

2. Tình hình tài chính.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 01-01-2020	Tại ngày 31-12-2020	So sánh	
				Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
I	<u>TỔNG TÀI SẢN</u>	<u>569.287</u>	<u>518.544</u>	<u>(50.744)</u>	<u>-8,91%</u>
A	Tài sản ngắn hạn	273.842	237.465	(36.377)	-13,28%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	37.867	25.408	(12.459)	-32,90%
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	111.861	92.019	(19.842)	-17,74%
3	Hàng tồn kho	121.915	118.999	(2.916)	-2,39%
4	Tài sản ngắn hạn khác	2.199	1.037	(1.162)	-52,84%
B	Tài sản dài hạn	295.445	281.078	(14.367)	-4,86%
1	Các khoản phải thu dài hạn	3.186	35.415	32.229	1.011,58%
2	Tài sản cố định	92.667	88.875	(3.792)	-4,09%
3	Tài sản dở dang dài hạn	24.914	24.914	0	0%
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	173.000	131.233	(41.767)	-24,14%
5	Tài sản dài hạn khác	1.678	0,639	(1.677)	-99,96%
II	<u>TỔNG NGUỒN VỐN</u>	<u>569.287</u>	<u>518.544</u>	<u>(50.744)</u>	<u>-8,91%</u>
C	Nợ phải trả	211.358	240.690	29.332	13,88%
1	Nợ ngắn hạn	211.201	236.679	25.478	12,06%
2	Nợ dài hạn	157	4.011	3.854	2.454,78%
D	Vốn chủ sở hữu	357.931	277.854	(80.077)	-22,37%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	313.962	313.962	0	0%

TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 01-01- 2020	Tại ngày 31-12- 2020	So sánh	
				Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
2	Thặng dư vốn cổ phần	(143)	(143)	0	0%
3	Quỹ đầu tư phát triển	30.284	31.218	934	3,08%
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.828	(67.184)	(81.012)	-585,85%

* *Về tình hình quản lý tiền mặt:* Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2020 là: 25.408 triệu đồng, chiếm 4,90% tổng tài sản. Chỉ tiêu này được xác lập tại thời điểm Công Ty đang tập trung nguồn tài chính để chuẩn bị nhập hàng phục vụ một số dự án, hợp đồng mới được ký kết thực hiện trong quý I năm 2021.

* *Về tình hình quản lý công nợ phải thu:* Các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2020 giảm 17,74% so với cùng thời điểm năm 2019, do Công ty đã có các chính sách hiệu quả trong quản lý công nợ phải thu.

* *Về tình hình quản lý hàng tồn kho:* Hàng tồn kho giảm 2,39% so với năm 2019, chỉ tiêu này cho thấy Công ty tích cực sử lý để thu hồi vốn.

* *Về tình hình quản lý công nợ phải trả:* Tăng 13,88% so với năm 2019, cho thấy Công ty đã quan hệ tốt với các nhà cung cấp để được hưởng ưu đãi về thời hạn thanh toán, giảm áp lực về nguồn vốn kinh doanh.

* *Về tình hình quản lý các khoản vay tín dụng:*

- Tổng dư nợ tại ngày 31/12/2020 là 123.016.314.831 đồng, giảm 2.710.605.351 đồng, tương ứng 2,16% thể hiện việc công ty đang trong quá trình cơ cấu lại nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Giảm dần sự phụ thuộc vào vốn vay.

* *Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn:*

Cơ cấu vốn, nguồn vốn của Công ty hiện tại là hợp lý, thể hiện khả năng độc lập, tự chủ về tài chính. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 01-01-2020	Tại ngày 31-12-2020	So sánh	
				Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm

I	TỔNG TÀI SẢN	569.287	518.544	(50.744)	-8,91%
A	Tài sản ngắn hạn	273.842	237.465	(36.377)	-13,28%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	37.867	25.408	(12.459)	-32,90%
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	111.861	92.019	(19.842)	-17,74%
3	Hàng tồn kho	121.915	118.999	(2.916)	-2,39%
4	Tài sản ngắn hạn khác	2.199	1.037	(1.162)	-52,84%
B	Tài sản dài hạn	295.445	281.078	(14.367)	-4,86%
1	Các khoản phải thu dài hạn	3.186	35.415	32.229	1.011,58%
2	Tài sản cố định	92.667	88.875	(3.792)	-4,09%
3	Tài sản dở dang dài hạn	24.914	24.914	0	0%
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	173.000	131.233	(41.767)	-24,14%
5	Tài sản dài hạn khác	1.678	0,639	(1.677)	-99,96%
II	TỔNG NGUỒN VỐN	569.287	518.544	(50.744)	-8,91%
C	Nợ phải trả	211.358	240.690	29.332	13,88%
1	Nợ ngắn hạn	211.201	236.679	25.478	12,06%
2	Nợ dài hạn	157	4.011	3.854	2.454,78%
D	Vốn chủ sở hữu	357.931	277.854	(80.077)	-22,37%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	313.962	313.962	0	0%
2	Thặng dư vốn cổ phần	(143)	(143)	0	0%
3	Quỹ đầu tư phát triển	30.284	31.218	934	3,08%
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.828	(67.184)	(81.012)	-585,85%

- **Về cơ cấu tài sản:** Trong năm 2020, với mục tiêu duy trì trọng tâm đầu tư chiều sâu và đẩy nhanh vòng quay vốn lưu động, nên cơ cấu tài sản có sự chuyển dịch nhẹ từ tài sản ngắn hạn sang tài sản dài hạn với mức thay đổi 1,12%.

- **Về cơ cấu nguồn vốn:** Việc chuyển dịch 4,95% từ nợ phải trả sang vốn chủ sở hữu thể hiện sự tự chủ của công ty về tài chính, giảm bớt sự lệ thuộc vào nguồn vốn vay.

- **Về khả năng thanh toán:** Chỉ tiêu khả năng thanh toán hiện hành >1 thể hiện khả năng thanh khoản tốt, điều này giúp Công ty nâng cao uy tín đối với các đối tác và nhận được nhiều ưu đãi hơn trong quá trình hợp tác kinh doanh.

- **Về năng lực hoạt động:** Các chỉ tiêu thể hiện năng lực hoạt động có sự thay đổi nhẹ, thể hiện sự tăng trưởng ổn định mang tính chiều sâu.

Kết luận: Mặc dù các chỉ tiêu về khả năng sinh lời có phần sụt giảm nhẹ tuy nhiên công ty vẫn đạt được các mục tiêu tăng trưởng ổn định, bền vững.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện tái cấu trúc nhân sự, ban quản lý điều hành:

- Duy trì và cải tiến hệ thống quản trị, điều hành theo hướng hiện đại để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh.
- Rà soát, đánh giá và khắc phục kịp thời những tồn tại trong công tác quản lý, đảm bảo sự thấu hiểu về quy trình công việc từ Lãnh đạo đến các nhân viên.
- Tăng cường phân quyền cho các giám đốc bộ phận, trưởng các phòng ban để đảm bảo tính hiệu quả, sâu sát và nhanh chóng trong việc triển khai các công việc theo kế hoạch chung.
- Chuyên nghiệp hóa.
- Hiệu quả quản lý không chồng chéo.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Năm 2021, kinh tế thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch Covid-19. Dòng chảy thương mại thế giới vẫn bị gián đoạn bởi đại dịch Covid-19 và căng thẳng thương mại Mỹ-Trung. Kinh tế Việt nam, dưới sự điều hành linh hoạt của Chính phủ đã vượt qua khó khăn và đạt nhiều thành tựu, kỳ vọng sự phát triển mạnh mẽ trong năm 2021. Với những nhận định trên, Ban giám đốc Công ty xác định kế hoạch trong năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2021 (triệu đồng)
1. Doanh thu	1.443,800
2. Giá vốn	1.416,600
3. Chi phí hoạt động	11,549
4. Lợi nhuận trước thuế	15,651

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần: Không có ý kiến ngoại trừ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

- Về kết quả kinh doanh: Năm 2020 doanh số của công ty so kế hoạch đề ra đạt 56.12%; tuy nhiên lợi nhuận sau thuế giảm 181.71% so với kế hoạch.
- Về tình hình tài chính: Cơ cấu tài sản, nguồn vốn của công ty đảm bảo an toàn. Tình hình tài chính, việc sử dụng các nguồn vốn của công ty phù hợp với kế hoạch của công ty đã đề ra.
- Về công tác quản trị: Thực hiện đúng các quy chế, điều lệ và các nghị quyết ban hành.
- Về nhân sự: Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm các vị trí phù hợp với yêu cầu công việc và quy định của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Trong năm 2020, trước những tác động tiêu cực, diễn biến khó lường của dịch bệnh Covid-19 và thiên tai lũ lụt, Ban Giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng, nỗ lực và chỉ đạo điều hành theo theo tình hình thực tế và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Ban Giám đốc đã luôn tham gia đầy đủ và nghiêm túc lắng nghe các chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong các cuộc họp giao ban hàng quý.

- Sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, các thành viên Hội đồng quản trị đã tổ chức cuộc họp để triển khai thực hiện các vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ đối với Ban giám đốc, giao cho Ban giám đốc xây dựng phương án giải quyết tài sản, hàng tồn kho, nhân sự, ban điều hành.... Mọi hoạt động của Ban giám đốc dưới sự giám sát của Hội đồng quản trị.

- Các thành viên Ban giám đốc thường xuyên trao đổi thông tin và các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2021, Hội đồng quản trị quyết tâm thực hiện các mục tiêu chưa đạt được năm 2020 cũng như củng cố các mục tiêu đã đạt được, bao gồm:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông.

- Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2021 và đạt mức tăng trưởng cao.

- Đổi mới chính sách lương thưởng, chính sách nhân viên, cơ chế phân cấp nhân quyền, cải cách thủ tục hành chính.

- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo nội bộ và cử cán bộ đi học nâng cao nghiệp vụ.

- Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của toàn thể CBCNV trong Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ trên VDL (%)	Tỷ lệ nắm giữ tại công ty khác
1	Dương Hữu Hiếu	Từ ngày 29/6/2020 miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT, là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	7.634.393	24,32	Không có

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ trên VDL (%)	Tỷ lệ nắm giữ tại công ty khác
2	Trần Thanh Tùng	Thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 29/6/2020	532.860	1.7	Đại diện cho công ty nắm giữ 45 % tại cty CP khai khoáng luyện kim Bắc Việt (Ngày 28/12/2020 Công ty Bắc Việt không còn là công ty liên kết của Công ty)
3	Nguyễn Việt Hải	Thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 29/6/2020	107.000	0.34	Không có
4	Nguyễn Thành Vương	Thành viên HĐQT-ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm ngày 29/6/2020	0	0	Không có
5	Văn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT – Bầu ngày 02/7/2020	0	0	Không có

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2020 Hội đồng quản trị hoạt động với 03 thành viên gồm 01 chủ tịch, 02 thành viên. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị phụ trách một mảng riêng biệt. Các thành viên đều tham gia đầy đủ các cuộc họp hội đồng quản trị.

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Tỷ lệ (%)	Nội dung / <i>Content</i>
1	01/NQ-HĐQT/2020	14/01/2020	100	Ký phụ lục thuê nhà đặt trụ sở văn phòng làm việc của chi nhánh Hồ Chí Minh và miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với bà Mai Thị Phương Hà
2	02/NQ-HĐQT/2020	10/02/2020	100	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

3	03/NQ-HĐQT/2020	12/05/2020	100	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 sau khi được chấp thuận gia hạn.
4	04/NQ-HĐQT/2020	21/05/2020	100	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Thái Nguyên
5	05/NQ-HĐQT/2020	02/7/2020	100	Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020
6	06/NQ-HĐQT/2020	10/7/2020	100	Phương án đề xuất cấp hạn mức tín dụng tại ngân hàng BIDV- CN Thái Nguyên
7	07/NQ-HĐQT/2020	23/7/2020	100	Phương án vay vốn tại ngân hàng MB
8	08/NQ-HĐQT/2020	21/9/2020	100	Xây dựng đề án trồng cây cảnh và cây xanh đô thị tại Quảng Ninh và Quảng Nam.
9	09/NQ-HĐQT/2020	29/9/2020	100	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề án trồng cây cảnh và cây xanh đô thị tại Quảng Ninh và Quảng Nam
10	10/NQ-HĐQT/2020	08/10/2020	100	Thay đổi kế toán trưởng Công ty.
11	11/NQ-HĐQT/2020	10/11/2020	100	Điều chỉnh giá chuyển nhượng cổ phần tại công ty liên kết, kế hoạch vay vốn tại Ngân hàng Vietinbank Lưu Xá 2020.
12	12/NQ-HĐQT/2020	21/12/2020	100	Thoái vốn tại công ty liên kết và đầu tư mua cổ phiếu Tisco và Vis.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập được phân công phụ trách các mảng nhân sự và tiền lương. Những thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã tích cực tham gia quản trị Công ty nói chung cũng như Ban Giám đốc nói riêng, đưa ra những đánh giá, những ý kiến khách quan nhằm mục tiêu cuối cùng là để kiện toàn công tác quản trị Công ty, đồng thời hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ trên VDL (%)	Ghi chú
1	Dương Xuân Trường	Trưởng ban	0	0	
2	Trương Thị Tuyết	Thành viên	0	0	
3	Nguyễn Thị Oanh	Thành viên	0	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp, gồm:

Stt	Số	Ngày	Nội dung
1	01/BB - BKS	04/02/2020	Triển khai thực hiện nhiệm vụ trong năm 2020 của Ban kiểm soát: phân công nhiệm vụ cho các thành viên và đề ra phương hướng hoạt động.
2	02/BB - BKS	25/12/2020	Thực hiện rà soát hoạt động của Công ty trong năm 2020, xây dựng báo cáo trình Đại hội thường niên 2021.

- Phân công nhiệm vụ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, thường xuyên tổ chức họp để trao đổi kế hoạch công việc về chuyên môn nghiệp vụ giữa các thành viên Ban kiểm soát.
- Tham gia các buổi họp giao ban của ban lãnh đạo Công ty về kế hoạch kinh doanh hàng tuần, tháng, quý, năm và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán kế toán.
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty, các bộ phận phòng ban.
- Thường xuyên có báo cáo gửi Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra, giám sát.

Kiến nghị các biện pháp sửa đổi, bổ sung các quy định trong quy trình, quy chế để cải tiến các hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật

* Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao.
- Năm 2020 BKS không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- Các bộ phận cung cấp đầy đủ và kịp thời các số liệu, tài liệu, hồ sơ chứng từ về hoạt động kinh doanh, tài chính của công ty cho Ban kiểm soát.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/:

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Ghi chú
1	Dương Hữu Hiếu	Tổng giám đốc Thành viên HĐQT	210.432.000		- Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 29/06/2020; - Bổ nhiệm thành viên HĐQT ngày 29/06/2020
2	Trần Thanh Tùng	Phó TGD Thành viên HĐQT	330.432.000		Miễn nhiệm TV HĐQT ngày 29/6/2020 chỉ còn là Phó Tổng Giám đốc
3	Mai Thị Phương Hà	Phó TGD	20.718.926		Miễn nhiệm ngày 14/01/2020
4	Nguyễn Việt Hải	Thành viên HĐQT		30.000.000	Miễn nhiệm ngày 29/6/2020
5	Văn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT		90.000.000	Bổ nhiệm ngày 02/07/2020
6	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT		9.000.000	Bổ nhiệm ngày 29/06/2020
7	Dương Xuân Trường	TV ban KS		42.000.000	
8	Trương Thị Tuyết	TV ban KS		30.000.000	
9	Nguyễn Thị Oanh	TV ban KS		30.000.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt No.	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thùy Dương	Chị gái bà Nguyễn Thị Thục Oanh	15.000		0		Khớp lệnh trên sàn do Nhu cầu cá nhân

Stt No.	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
2	Nguyễn Thị Thanh Bình	Em gái bà Nguyễn Thị Thục Oanh	7.800		0		Khớp lệnh trên sàn do Nhu cầu cá nhân
3	Nguyễn Thị Thục Oanh	Giám đốc KD mảng đá ốp lát và TBVS	30.560		0		Khớp lệnh trên sàn do Nhu cầu cá nhân
4	Dương Hữu Hiếu	Tổng giám đốc	6.634.393		7.634.393		Tăng tỷ lệ sở hữu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ và người liên quan:

- Ông Dương Hữu Hiếu (Thành viên HĐQT) và Bà Nguyễn Thị Hoài Giang (Vợ ông Dương Hữu Hiếu, Ông Dương Quang Sơn (Anh trai ông Dương Hữu Hiếu) và Bà Nguyễn Thị Kim Loan (chị dâu ông Dương Hữu Hiếu) bảo lãnh vốn vay của công ty tại Ngân hàng. (Chi tiết được trình bày tại nghị quyết hội đồng quản trị về đề xuất phương án hạn mức tại ngân hàng số 05/NQ-HĐQT/2019 ngày 10/5/2019, số 11/NQ-HĐQT/2019 ngày 14/10/2019, 07/NQ-HĐQT/2020 ngày 23/07/2020, 11/NQ-HĐQT/2020 ngày 10/11/2020 và đã được công ty công bố thông tin theo quy định) .

-Thực hiện tiếp Hợp đồng giao dịch số 01/HĐTN-CNHCM ngày 20/7/2016 giữa Công ty với Bà Nguyễn Thị Hoài Giang (vợ ông Dương Hữu Hiếu – Chủ tịch Hội đồng quản trị) để thuê căn nhà thương mại S16 - Dự án Sài Gòn Pearl – Số 92 Nguyễn Hữu Cảnh, P 22, Q. Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh với tổng diện tích 1500m². Thời hạn thuê trong vòng 10 năm. Giá thuê 20 USD/m²/ tháng. Ngày 18/4/2018 Hội đồng quản trị thông qua việc ký Phụ lục hợp đồng Điều chỉnh diện tích thuê nhà làm trụ sở văn phòng của chi nhánh Hồ Chí Minh, giảm diện tích thuê còn 300m². Ngày 08/01/2019 Hội đồng quản trị ký phụ lục điều chỉnh diện tích thuê trụ sở làm việc của chi nhánh Hồ Chí Minh còn 250m². Ngày 14/01/2020 Hội đồng quản trị thông qua việc ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh diện tích thuê trụ sở làm việc chi nhánh Hồ Chí Minh còn 60m², giá thuê 17 USD/m².

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Năm 2020, Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định Pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*:

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán*: đăng tải trên website của Công ty tại đường dẫn:

www.duonghieu.com.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dương Hữu Hiếu

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-26

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & KHAI THÁC KHOÁNG SẢN DƯƠNG HIẾU

Số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2 tổ 09,

Phường Trung Thành, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Dương Hữu Hiếu	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29/6/2020)
	Ông Văn Tiến Đức	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 02/7/2020)
	Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29/6/2020)
	Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/6/2020)
Ban Kiểm soát	Ông Dương Xuân Trường	Trưởng ban
	Bà Trương Thị Tuyết	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Oanh	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Dương Hữu Hiếu	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Mai Thị phương Hà	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14/01/2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Dương Hữu Hiếu

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Số: 383/DFK-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (gọi tắt là “Công ty”) gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021 từ trang 04 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán ngày 29/5/2020 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 với ý kiến ngoại trừ về công tác tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn. Chúng tôi đã xem xét, đánh giá và nhận thấy những vấn đề mà Kiểm toán viên tiền nhiệm ngoại trừ không còn ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính này.



Nguyễn Lương Nhân

Tổng Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0182-2018-042-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0985-2018-042-1

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		237.465.184.351	273.841.534.465
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	25.408.691.001	37.866.731.759
1. Tiền	111		25.408.691.001	37.866.731.759
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92.019.189.611	111.860.663.986
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	80.650.062.413	119.885.313.533
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	16.412.108.297	5.314.945.186
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	13.357.495.308	5.058.131.904
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(18.400.476.407)	(18.397.726.637)
IV. Hàng tồn kho	140	9	118.999.600.690	121.914.668.270
1. Hàng tồn kho	141		119.435.276.875	123.843.188.578
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(435.676.185)	(1.928.520.308)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.037.703.049	2.199.470.450
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		156.946.808	895.956.889
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		879.614.296	1.302.371.616
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		1.141.945	1.141.945
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		281.078.240.549	295.445.855.382
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.415.328.904	3.185.550.484
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	35.415.328.904	3.185.550.484
II. Tài sản cố định	220		88.875.610.766	92.667.452.245
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	11.205.865.335	13.544.046.098
Nguyên giá	222		22.634.260.785	25.152.685.086
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.428.395.450)	(11.608.638.988)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	77.669.745.431	79.123.406.147
Nguyên giá	228		89.783.584.720	90.073.584.720
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.113.839.289)	(10.950.178.573)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		24.914.405.920	24.914.405.920
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	24.914.405.920	24.914.405.920
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	131.233.000.000	173.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	173.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	253		164.946.000.000	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(33.713.000.000)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		639.894.959	1.678.446.733
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		639.894.959	1.678.446.733
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		518.543.424.900	569.287.389.847

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		240.690.562.763	211.357.469.737
I. Nợ ngắn hạn	310		236.679.432.763	211.200.532.237
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	103.241.935.550	56.261.085.718
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	5.338.702.804	21.438.468.218
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.469.745.761	2.355.170.112
4. Phải trả công nhân viên	314		312.415.795	2.234.623.143
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.850.857.249	1.925.030.179
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		667.000	277.848.922
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	123.016.314.831	125.726.920.182
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		1.448.793.773	981.385.763
II. Nợ dài hạn	330		4.011.130.000	156.937.500
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	4.011.130.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	156.937.500
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		277.852.862.137	357.929.920.110
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	277.852.862.137	357.929.920.110
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		313.961.800.000	313.961.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		313.961.800.000	313.961.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(143.500.000)	(143.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.218.528.509	30.283.712.489
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(67.183.966.372)	13.827.907.621
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.210.955.765	9.153.827.521
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(79.394.922.137)	4.674.080.100
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		518.543.424.900	569.287.389.847

Hà Thị Hải Yến
Người lập
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Đàm Ngọc Tú
Kế toán trưởng

Dương Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		908.187.048.175	1.112.418.741.747
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	908.187.048.175	1.112.418.741.747
4. Giá vốn hàng bán	11	22	877.411.005.067	1.062.595.554.785
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.776.043.108	49.823.186.962
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	20.039.685	97.299.523
7. Chi phí tài chính	22	24	78.185.031.132	14.124.777.008
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.243.960.299</i>	<i>10.051.436.521</i>
8. Chi phí bán hàng	24	25	5.374.573.261	8.370.364.284
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	9.572.292.298	16.368.726.095
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(62.335.813.898)	11.056.619.098
11. Thu nhập khác	31		779.858.588	784.343.058
12. Chi phí khác	32		17.838.966.827	4.764.416.608
13. Lợi nhuận khác	40	27	(17.059.108.239)	(3.980.073.550)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(79.394.922.137)	7.076.545.548
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	2.402.465.448
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(79.394.922.137)	4.674.080.100
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			



Hà Thị Hải Yến
Người lập
Ngày 29 tháng 3 năm 2021



Đàm Ngọc Tú
Kế toán trưởng



Dương Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lãi trước thuế	01	(79.394.922.137)	7.076.545.548
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	13.692.987.749	2.080.931.553
Các khoản dự phòng	03	32.222.905.647	2.481.468.508
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	04	-	(5.582.208)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	34.221.528.115	4.193.780.207
Chi phí lãi vay	06	10.243.960.299	10.051.436.521
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.986.459.673	25.878.580.129
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(11.968.296.495)	111.106.942.281
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.407.911.703	(44.208.640.606)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	23.816.367.048	(60.389.285.862)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.777.561.855	2.143.960.316
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.067.180.757)	(10.046.949.672)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.402.465.448)	(2.357.442.322)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(214.727.826)	(597.400.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.335.629.753	21.529.763.514
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(213.145.000)	(10.763.460.368)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	454.545.455	3.140.628.359
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(164.946.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	138.774.672.700	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	3.799.185	10.464.473
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.926.127.660)	(7.612.367.536)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	287.458.878.226	385.430.090.935
Tiền trả nợ gốc vay	34	(290.326.421.077)	(370.655.127.793)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.867.542.851)	14.774.963.142
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(12.458.040.758)	28.692.359.120
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	37.866.731.759	9.174.384.903
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái	61		(12.264)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	25.408.691.001	37.866.731.759

Hà Thị Hải Yến
Người lập
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Đàm Ngọc Tú
Kế toán trưởng



Dương Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600341471, đăng ký lần đầu ngày 30/06/2003 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 29 ngày 25/9/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp.

Công ty đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DHM.

Trụ sở chính Công ty đặt tại số nhà 1309, ngõ 1581, đường 3/2 tổ 09, Phường Trung Thành, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Chi tiết các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại ngày 31/12/2020 như sau:

STT	Tên Chi nhánh	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu chi nhánh Hà Nội	Số 59, đường Võ Chí Công, tổ 14, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu - chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 8, Tòa nhà Koasto Building, Số 92F Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
3	Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu - chi nhánh Quảng Nam	Đội 10, thôn Quý Phước, xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
4	Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu - chi nhánh Đà Nẵng	Số 24, An Thượng 20, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng
5	Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu - chi nhánh Thái Nguyên (*)	Số 2b, đường Hoàng Ngân, tổ 25, phường Phan Đình Phùng, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

(*) Chấm dứt hoạt động từ ngày 21/5/2020 theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT/2020 ngày 21/5/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hàng hóa và dịch vụ xây lắp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 44 người (tại ngày 31/12/2019 là 87 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 01 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội. Ngày 28 tháng 01 năm 2021, Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và đang có chiều hướng lan sang các tỉnh thành khác. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty bị sụt giảm từ hoạt động kinh doanh thương mại hàng hóa và dịch vụ xây lắp và Công ty không thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính Phủ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng do dịch Covid-19.

Mặt khác, lĩnh vực kinh doanh chăn nuôi thủy hải sản (hồ nuôi baba) tại địa điểm Đội 10, Thôn Quý Phước, Xã Bình Quý, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam (thuộc khu vực các tỉnh Miền Trung) chịu ảnh hưởng nghiêm trọng do mưa lớn và lũ lụt liên tiếp. Đợt lũ thứ 4 từ ngày 6 tháng 11 năm 2020 gây biến động toàn miền Trung, đặt biệt tỉnh Quảng Nam ngập lụt trên diện tích rộng trong đó có huyện Thăng Bình bị ngập nặng. Trang trại nuôi thủy hải sản của Chi nhánh Quảng Nam bị ngập úng tràn bờ toàn bộ các hồ nuôi. Baba rạch bờ theo nước cuốn trôi bị mất kiểm soát và thiệt hại toàn bộ.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết: Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.
- Phần mềm, website và tài sản vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 35
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	06 – 08

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm, website và tài sản vô hình khác là 03 năm.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các năm tài chính sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác: gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trong trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	609.284.317	34.883.665.393
Tiền gửi ngân hàng	24.799.406.684	2.983.066.366
VND	24.795.346.424	2.973.754.705
USD	4.060.260	9.311.661
	<u>25.408.691.001</u>	<u>37.866.731.759</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty CP Matexim Hải Phòng	20.963.334.349	-
Công ty CP Thương mại Thái Hưng	24.867.803.793	10.027.747.840
Công ty TNHH Thương mại Dịch Sơn	17.686.743.131	17.686.743.131
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Global Hưng Gia	3.957.967.000	20.357.967.000
Công ty TNHH Tân Phát Vượng	-	11.237.590.960
Bà Nghiêm Tú Hằng	-	6.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng	-	32.777.824.453
Các khách hàng khác	13.174.214.140	21.797.440.149
	<u>80.650.062.413</u>	<u>119.885.313.533</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty CP Thương mại Phát triển Á Âu	-	4.500.000.000
Công ty CP Thương mại Thái Hưng	14.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Kiến trúc Nam Lộc Phát	1.905.000.000	-
Khác	507.108.297	814.945.186
	<u>16.412.108.297</u>	<u>5.314.945.186</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng nhân viên	3.637.803.350	2.785.147.505
Các khoản ký quỹ, ký cược	9.514.396.299	2.267.307.247
Các khoản phải thu khác	205.295.659	5.677.152
	<u>13.357.495.308</u>	<u>5.058.131.904</u>

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN

		31/12/2020		01/01/2020		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
		<u>VND</u>	<u>VND</u>		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH TM Dịch Sơn	Trên 3 năm	17.686.743.131	17.686.743.131	Trên 3 năm	17.686.743.131	17.686.743.131
CN Công ty CP Xây lắp Thành An 96 tại Đà Nẵng	Trên 3 năm	150.000.000	105.000.000	Từ 2 năm đến 3 năm	150.000.000	105.000.000
Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Nam Việt	Từ 2 năm đến 3 năm	964.106.797	514.491.926	Từ 1 năm đến 2 năm	1.028.983.852	514.491.926
Công ty CP Việt Nhật Sản xuất và Thương mại	Từ 2 năm đến 3 năm	75.468.100	52.827.670	Từ 1 năm đến 2 năm	75.468.100	37.734.050
Công ty TNHH Thiên Bình An	Từ 2 năm đến 3 năm	59.162.400	41.413.680	Từ 1 năm đến 2 năm	74.162.400	37.081.200
Công ty TNHH ECOBA Công nghệ môi trường	Đã thu hồi công nợ	-	-	Từ 6 tháng đến 1 năm	55.587.765	16.676.330
		<u>18.935.480.428</u>	<u>18.400.476.407</u>		<u>19.070.945.248</u>	<u>18.397.726.637</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên vật liệu	124.219.085	494.258.665
Công cụ dụng cụ	199.035.500	15.578.317
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.721.524.557	18.273.357.540
Hàng hóa	104.390.497.733	105.059.994.056
	<u>119.435.276.875</u>	<u>123.843.188.578</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(435.676.185)	(1.928.520.308)
	<u>118.999.600.690</u>	<u>121.914.668.270</u>

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản ký quỹ, ký cược	35.415.328.904	3.185.550.484
	<u>35.415.328.904</u>	<u>3.185.550.484</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa & vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2020	11.229.731.649	6.152.199.218	6.305.695.408	322.082.452	1.142.976.359	25.152.685.086
Tăng trong năm	-	25.000.000	-	-	-	25.000.000
Giảm trong năm	(1.412.344.958)	(30.000.000)	(1.054.704.636)	(46.374.707)	-	(2.543.424.301)
- Thanh lý	-	(30.000.000)	(1.054.704.636)	-	-	(1.084.704.636)
- Xóa sổ	(1.412.344.958)	-	-	(46.374.707)	-	(1.458.719.665)
Tại ngày 31/12/2020	9.817.386.691	6.147.199.218	5.250.990.772	275.707.745	1.142.976.359	22.634.260.785
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2020	(4.415.533.249)	(2.293.931.517)	(4.221.075.411)	(265.266.020)	(412.832.791)	(11.608.638.988)
Khấu hao trong năm	(578.691.038)	(1.026.403.830)	(404.439.019)	(31.070.104)	-	(2.040.603.991)
Giảm trong năm	1.412.344.958	30.000.000	732.127.764	46.374.807	-	2.220.847.529
- Thanh lý	-	30.000.000	732.127.764	-	-	762.127.764
- Xóa sổ	1.412.344.958	-	-	46.374.807	-	1.458.719.765
Tại ngày 31/12/2020	(3.581.879.329)	(3.290.335.347)	(3.893.386.666)	(249.961.317)	(412.832.791)	(11.428.395.450)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2020	6.814.198.400	3.858.267.701	2.084.619.997	56.816.432	730.143.568	13.544.046.098
Tại ngày 31/12/2020	6.235.507.362	2.856.863.871	1.357.604.106	25.746.428	730.143.568	11.205.865.335

Tài sản thế chấp đảm bảo

Tại ngày 31/12/2020, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 95.770.709 VND (01/01/2020: 4.993.453.695 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lưu Xá.

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 1.625.505.237 VND (tại ngày 31/12/2019 là 2.987.906.029 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2020	89.783.584.720	290.000.000	90.073.584.720
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm		(290.000.000)	(290.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	89.783.584.720	-	89.783.584.720
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2020	(10.660.178.573)	(290.000.000)	(10.950.178.573)
Khấu hao trong năm	(1.453.660.716)	-	(1.453.660.716)
Giảm trong năm	-	290.000.000	290.000.000
Tại ngày 31/12/2020	(12.113.839.289)	-	(12.113.839.289)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	79.123.406.147	-	79.123.406.147
Tại ngày 31/12/2020	77.669.745.431	-	77.669.745.431

Tại ngày 31/12/2020 Công ty đã thế chấp Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không thời hạn tại Khu công viên Bắc tượng đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng với nguyên giá là 35.513.584.720 VND cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công trình Nhà hàng Thuận Việt	24.914.405.920	24.914.405.920
	24.914.405.920	24.914.405.920

Dự án Nhà hàng Thuận Việt theo giấy phép xây dựng số 677/GPXD do Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/3/2017. Theo đó, Công ty được phép xây dựng nhà hàng tại lô đất số 1+2A 14-6 Khu công viên Bắc tượng đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2020 ngày 29/6/2020, Công ty quyết định dừng, không tiếp tục thực hiện dự án nhà hàng Thuận Việt. Công ty sẽ tìm kiếm đối tác có nhu cầu để chuyển nhượng lại toàn bộ dự án hoặc cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	173.000.000.000	-	-
Công ty CP Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt	-	-	-	135.000.000.000	-	-
Công ty CP Công nghệ Thương mại và Đầu tư Hưng Phát	-	-	-	38.000.000.000	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	164.946.000.000	131.233.000.000	(33.713.000.000)	-	-	-
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	126.946.000.000	96.633.000.000	(30.313.000.000)	-	-	-
Công ty CP Thép Việt Ý	38.000.000.000	34.600.000.000	(3.400.000.000)	-	-	-
	164.946.000.000	131.233.000.000	(33.713.000.000)	173.000.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Kinh doanh và Thương mại Hùng Sơn	-	20.018.115.810
Công ty THHH Siemens	428.556.700	4.112.833.531
Công ty CP Kim khí Bắc Thái	3.190.169.463	23.503.518.763
Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng	42.473.334.561	-
Công ty CP Thương mại Hà Chung	11.040.556.525	-
Công ty CP Đầu tư Eco Valley Việt Nam	36.285.953.057	-
Các nhà cung cấp khác	9.823.365.244	8.626.617.614
	<u>103.241.935.550</u>	<u>56.261.085.718</u>

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH HB Minh Đức	-	14.621.983.950
Công ty CP Vật tư nông nghiệp Vàm Cỏ Đông	23.723.741	1.856.619.552
Công ty CP Thương mại Phát triển Á Âu	3.204.682.458	-
Người mua trả tiền trước khác	2.110.296.605	4.959.864.716
	<u>5.338.702.804</u>	<u>21.438.468.218</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế Giá trị gia tăng	1.405.955.892	61.111.116
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.187.737.622
Thuế Thu nhập cá nhân	63.789.869	106.321.374
	<u>1.469.745.761</u>	<u>2.355.170.112</u>

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lưu Xá	4.659.621.700	9.923.007.827
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	118.356.693.131	109.933.049.509
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (Thấu chỉ)	-	4.994.456.937
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (Visa)	-	667.155.909
Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	-	209.250.000
	<u>123.016.314.831</u>	<u>125.726.920.182</u>

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lưu Xá theo hợp đồng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT224-DUONGHIEU ngày 10/11/2019 với hạn mức vay là 35.000.000 000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động với thời hạn 01 năm, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tại ngày 09/02/2021 Công ty đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT224-DUONGHIEU để tiếp tục cho khoản vay này với hạn mức vay là 10.000.000 000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 09/02/2021 đến ngày 29/01/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp số 11021136 ngày 22/09/2011 là Thừa đất số 18, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp theo "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" số 2701120246 ngày 31/12/1998 cùng tài sản gắn liền với đất và các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của gia đình ông Dương Quang Sơn và Bà Nguyễn Thị Kim Loan (Anh trai và chị dâu ông Dương Hữu Hiếu - Tổng Giám đốc Công ty).
- Hợp đồng thế chấp số 11021138 ngày 22/09/2011 là Thừa đất số 443, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số T397993 ngày 27/6/2001 cùng tài sản gắn liền với đất và các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của ông Dương Hữu Hiếu - Tổng Giám đốc Công ty.
- Hợp đồng thế chấp số 08042017 ngày 10/04/2017, bao gồm Xe ô tô con tải HiluxG, biển số 29C-329.80, GCN đăng ký xe số 202519 do CATP Hà Nội cấp ngày 21/03/2014. Số khung MROFZ29G402538430, số máy: 1KDU494200. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.
- Hợp đồng thế chấp số 07042017 ngày 10/04/2017, bao gồm Xe ô tô con Toyota Fortuner, biển số 92C-014.60, GCN đăng ký xe số 004160 do CA tỉnh Quảng Nam cấp ngày 05/01/2013, số khung: RL4ZR69G5C4015561, số máy: 2KDU170271, Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng số 36253.20.090.491629.TD ngày 28/07/2020 với hạn mức tín dụng 1 là 70.000.000.000 đồng và hạn mức tín dụng 2 là 140.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 06 tháng với lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm khoản vay chi tiết như sau:

- Bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Số BE 431744, số vào sổ cấp: GCN CH01303 do UBND Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng cấp ngày 09/05/2011. Bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 556590, số vào sổ cấp GCN QSDD- H12854 do UBND Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 26/12/2007. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu.
- Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán nhà số S16/2015/MB ngày 30/06/2015 giữa Công ty TNHH Vietnam Land SSG và bà Nguyễn Thị Hoài Giang về việc mua bán căn nhà số S-16, địa chỉ 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, dự án Saigon Pearl Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Hoài Giang (Vợ ông Dương Hữu Hiếu – Tổng Giám đốc Công ty).

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nhận đặt cọc - Công ty CP Thương mại Phát triển Á Âu	4.011.130.000	-
	4.011.130.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÀU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ Đầu tư & Phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	313.961.800.000	(143.500.000)	29.021.558.474	11.047.058.543	353.886.917.017
Lợi nhuận	-	-	-	4.674.080.100	4.674.080.100
Trích quỹ Đầu tư & Phát triển	-	-	1.262.154.015	(1.262.154.015)	-
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(631.077.007)	(631.077.007)
Tại ngày 01/01/2020	313.961.800.000	(143.500.000)	30.283.712.489	13.827.907.621	357.929.920.110
Lợi nhuận	-	-	-	(79.394.922.137)	(79.394.922.137)
Trích quỹ Đầu tư & Phát triển (*)	-	-	934.816.020	(934.816.020)	-
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(467.408.010)	(467.408.010)
Giảm khác	-	-	-	(214.727.826)	(214.727.826)
Tại ngày 31/12/2020	313.961.800.000	(143.500.000)	31.218.528.509	(67.183.966.372)	277.852.862.137

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ/2020 ngày 29/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.396.180	31.396.180
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.396.180	31.396.180
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>31.396.180</i>	<i>31.396.180</i>
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- <i>Cổ phần phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.396.180	31.396.180
- <i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>31.396.180</i>	<i>31.396.180</i>

Mệnh giá: 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

21. DOANH THU THUẦN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	908.187.048.175	1.112.418.741.747
	908.187.048.175	1.112.418.741.747

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ đã bán	878.903.849.190	1.062.595.554.785
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.492.844.123)	-
	877.411.005.067	1.062.595.554.785
Giá vốn của hàng bán bị trả lại		
	877.411.005.067	1.062.595.554.785

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ lãi tiền gửi, cho vay	3.799.185	10.464.473
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.240.500	81.252.842
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.582.208
	20.039.685	97.299.523

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	10.243.960.299	10.051.436.521
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.743.533	73.340.487
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	33.713.000.000	
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	34.225.327.300	4.000.000.000
	78.185.031.132	14.124.777.008

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	2.413.192.300	5.230.310.735
Chi phí công cụ, dụng cụ	141.148.009	-
Chi phí khấu hao	7.500.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	547.102.029	-
Chi phí khác bằng tiền	2.265.630.923	3.140.053.549
	5.374.573.261	8.370.364.284

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.089.818.615	5.265.094.905
Chi phí đồ dùng văn phòng	830.569.123	-
Chi phí dự phòng	19.426.100	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	824.649.949	1.637.801.171
Thuế, phí và lệ phí	284.090.639	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.514.274.619	-
Chi phí khác	1.009.463.253	9.465.830.019
	9.572.292.298	16.368.726.095

27. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu thanh lý tài sản cố định	-	51.078.733
Thu từ phạt hợp đồng		95.264.100
Khác	779.858.588	638.000.225
Thu nhập khác	779.858.588	784.343.058
Chi phí đền bù hợp đồng	-	(2.255.013.496)
Thiệt hại do thiên tai	(16.043.354.177)	(395.818.979)
Chi phí khác	(1.795.612.650)	(2.113.584.133)
Chi phí khác	(17.838.966.827)	(4.764.416.608)
Lợi nhuận khác	(17.059.108.239)	(3.980.073.550)

Lĩnh vực kinh doanh chăn nuôi thủy hải sản (hồ nuôi baba) tại địa điểm Đội 10, Thôn Quý Phước, Xã Bình Quý, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam (thuộc khu vực các tỉnh Miền Trung) chịu ảnh hưởng nghiêm trọng do mưa lớn và lũ lụt liên tiếp. Đợt lũ từ ngày 6 tháng 11 năm 2020 gây biến động toàn miền Trung, đặc biệt tỉnh Quảng Nam ngập lụt trên diện tích rộng trong đó có huyện Thăng Bình bị ngập nặng. Trang trại nuôi thủy hải sản của Chi nhánh Quảng Nam bị ngập úng tràn bờ toàn bộ các hồ nuôi, baba rạch bờ theo nước cuốn trôi bị mất kiểm soát, ước tính thiệt hại là 16.043.354.177 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ báo cáo Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông trong thời gian sớm nhất.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	8.126.946.667	23.591.850.978
Chi phí nhân viên	6.696.299.225	11.129.262.966
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.494.264.707	2.080.931.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.061.376.648	6.055.218.645
Chi phí khác	3.638.730.540	14.146.013.493
	25.017.617.787	57.003.277.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

29. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(79.394.922.137)	7.076.545.548
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	1.439.168.257	3.862.142.562
Chi phí không được trừ	1.439.168.257	3.862.142.562
Thu nhập chịu thuế	(77.955.753.880)	10.938.688.110
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	2.187.737.622
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	-	214.727.826
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.402.465.448

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(79.394.922.137)	4.674.080.100
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(467.408.010)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu c.p phổ thông	(79.394.922.137)	4.206.672.090
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	31.396.180	31.396.180
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.529)	134

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Dương Quang Sơn và Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Anh trai và chị dâu Tổng Giám đốc
Ông Dương Hữu Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Dương Hữu Hiếu và bà Nguyễn Thị Hoài Giang	Tổng Giám đốc và vợ
Bà Nguyễn Thị Hoài Giang	Vợ Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hào và Ông Vũ Anh Tuấn	Em gái và em rể Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Hà và ông Ngô Xuân Bình	Chị gái và anh rể Tổng Giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Ông Dương Quang Sơn và Bà Nguyễn Thị Kim Loan		
Bảo lãnh vay vốn	2.690.000.000	2.690.000.000
Ông Dương Hữu Hiếu		
Bảo lãnh vay vốn	3.800.000.000	3.800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Năm 2020 <u>VND</u>	Năm 2019 <u>VND</u>
Ông Dương Hữu Hiếu và bà Nguyễn Thị Hoài Giang Bảo lãnh vay vốn	4.500.000.000	4.800.000.000
Bà Nguyễn Thị Hảo và ông Vũ Anh Tuấn Bảo lãnh vay vốn	-	2.000.000.000
Bà Dương Thị Hà và ông Ngô Xuân Bình Bảo lãnh vay vốn	-	1.560.000.000
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:		
	31/12/2020 <u>VND</u>	01/01/2020 <u>VND</u>
Bà Nguyễn Thị Hoài Giang Phải trả khác Phải thu khác	1.661.673.916 2.564.886.152	1.661.673.916 2.850.107.732
Ông Dương Hữu Hiếu Phải thu khác	200.000.000	-

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác trong năm:

Họ tên	Chức danh	Năm 2020 <u>VND</u>	Năm 2019 <u>VND</u>
Ông Văn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	9.000.000	-
Ông Nguyễn Thành Vương	Thành viên HĐQT	-	55.000.000
Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên HĐQT	30.000.000	60.000.000
Ông Dương Xuân Trường	Trưởng BKS	42.000.000	60.000.000
Bà Trương Thị Tuyết	Thành viên BKS	30.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Oanh	Thành viên BKS	30.000.000	24.000.000
Ông Dương Hữu Hiếu	Tổng giám đốc	210.432.000	238.845.000
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc	330.432.000	390.800.000
Bà Mai Thị phương Hà	Phó Tổng giám đốc	20.718.926	227.389.549
Bà Đặng Thiều Hoa	Kế toán trưởng	117.307.231	194.851.923
Ông Đàm Ngọc Tú	Kế toán trưởng	147.981.704	
Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh	Người công bố thông tin	123.720.000	142.914.583
		<u>1.181.591.861</u>	<u>1.501.801.055</u>

32. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Thị Hải Yến

Người lập

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Đàm Ngọc Tú

Kế toán trưởng



Dương Hữu Hiếu

Tổng Giám đốc